TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 28/08/2020
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 08 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2020/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 07 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị C – sinh năm 1998; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
Hiện tạm trú tại: Xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn D – sinh năm 1992; vắng mặt

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị C trình bày: Chị và anh Phạm Văn D kết hôn hợp pháp với nhau ngày 04 tháng 09 năm 2019 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh Dũng tại xóm P, xã K và chung sống hạnh phúc được 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do thời gian trước đó anh chị tìm hiểu nhau chưa thật kỹ càng nên về nhà sống chung với nhau tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Bên cạnh đó anh D thường xuyên chửi bới xúc phạm chị. Do cuộc sống

chung không có hạnh phúc và do không thể chịu đựng được anh D nên tháng 3 năm 2020 chị đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm, liên lạc với nhau nữa, cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung cháu Phạm Quốc H sinh ngày 03 tháng 02 năm 2020. Hiện cháu đang ở cùng với chị C. Nay vợ chồng ly hôn chị C đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu H.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn D hiện đang cư trú tại nhà bố đẻ của anh D là ông Phạm Ngọc H1 ở xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phạm Văn D và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh D thông qua bố đẻ anh D là ông Phạm Ngọc H1. Anh D có biết việc chị C khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh D không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết v ụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị C ly hôn anh Phạm Văn D.
- Về con chung: Giao cho anh chị Trần Thị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc H sinh ngày 03 tháng 02 năm 2020 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng đối với cháu Phạm Quốc H. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Trần Thị C nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị C có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn D có nơi cư trú tại: Xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn D có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 09 năm 2019 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị C và anh Phạm Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp và trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh D không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh D không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Mặt khác qua làm việc với bố anh D là ông Phạm Ngọc H1 thì ông H1 cũng xác định: Anh D và chị C có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với vợ chồng ông tại xã K. Quá trình chung sống anh chị cũng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và vợ chồng nhiều lần cãi vã nhau. Từ khoảng đầu năm 2020 chị C đã bế con về nhà bố mẹ đẻ của chị C ở và anh chị sống ly thân nhau. Nay chị C xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Do điều kiện công việc của anh D rất bận nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K xác nhận: Chị C và anh D có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xã K nhưng anh chị chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị C đã bế con về nhà bố mẹ đẻ của chị C để ở. Chỉ có anh D vẫn làm ăn sinh sống tại địa phương. Nay chị C xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ chị C và anh D mới chỉ sống chung một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Cả hai không có biện pháp nào khắc phục và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị C và anh D có một con Phạm Quốc H sinh ngày 03 tháng 02 năm 2020. Hiện cháu H do chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay vợ chồng ly hôn chị C đề nghị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng đối với cháu H. Xét điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn thì căn cứ vào tình hình thực tế kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H ở với chị C và chị C cũng đã chăm sóc và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu. Mặt khác cháu còn quá nhỏ và cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ hơn. Về phía anh D không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cũng như không có ý kiến gì về việc giao con sau khi ly hôn. Do vậy nay anh chị ly hôn Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu H cho chị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của chị C cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng đối với cháu H. Chị C cũng xác định mình có đủ điều kiện về vật chất để đảm bảo cuộc sống cho cháu H nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn D được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc H sinh ngày 03 tháng 02 năm 2020 cho chị Trần Thị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002370 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã K, huyện Y;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh